

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /UBND-KGVX

V/v rà soát, triển khai các
nhiệm vụ của Đề án 06, xây
dựng cơ sở dữ liệu quốc gia,
cơ sở dữ liệu chuyên ngành

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Triển khai Văn bản số 3419/BCĐCP ngày 02/7/2026 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 của Trung ương¹ (*Tổ Công tác*); xét đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 5181/TTr-CAT-TM ngày 20/7/2026; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng nhiệm vụ

- Rà soát, triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ theo đề nghị của Tổ Công tác tại Văn bản số 3419/BCĐCP ngày 02/7/2026; trong đó, chú trọng các nội dung phân công tại Phụ lục kèm theo.

- Rà soát toàn bộ nhiệm vụ thuộc phạm vi phụ trách, nhất là nhiệm vụ quá hạn, chưa triển khai thực hiện (*trong đó xác định nguyên nhân và cam kết mốc thời gian hoàn thành*); báo cáo gửi Công an tỉnh trước ngày 31/7/2026.

- Đổi mới phương thức báo cáo theo hướng lượng hóa bằng số lượng, định lượng giá trị mang lại cụ thể: xác định rõ số tiền tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, chi phí giảm thiểu, thời gian/công sức cắt giảm thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Định kỳ trước ngày 12 hằng tháng, báo cáo kết quả thực hiện gửi Công an tỉnh để tổng hợp báo cáo theo quy định (*lồng ghép báo cáo Đề án 06*).

2. Giao Công an tỉnh: Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo Tổ Công tác, UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCTĐA06TW (Cục CSQLHC về TTXH);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP_{KHCN},
PVHCC, TTHN.
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

¹ Về đôn đốc triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Phụ lục
Phân công thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành
(Kèm theo Văn bản số: UBND-KGVX ngày /7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung	Chủ trì/thực hiện	Phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/Kết quả
I	Về hạ tầng số				
1	Rà soát toàn bộ thôn, bản, địa bàn còn lôm sổng, thiếu điện; xác định phương án, nguồn lực và hoàn thành xử lý các điểm ưu tiên phục vụ đơn vị công quyền, trường học, cơ sở y tế và người dân	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương	UBND các xã, phường, đặc khu	Trước ngày 30/9/2026	100% điểm lôm sổng/thiếu điện có phương án; tối thiểu 80% điểm ưu tiên được xử lý
2	Kiểm kê trung tâm dữ liệu/phòng máy chủ; đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, hiệu suất, chi phí; xây dựng lộ trình chuyển dịch, hợp nhất hoặc dừng các hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2026	100% hạ tầng được kiểm kê; lộ trình 2026-2027; danh mục hợp nhất/chuyển dịch.
3	Bố trí, mua sắm, thuê hoặc điều chuyển thiết bị đạt chuẩn; ưu tiên bộ phận một cửa, trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, đơn vị trực tiếp xử lý hồ sơ, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và hệ thống mật	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2026	100% bộ phận một cửa và đơn vị trọng yếu đủ máy tính, máy quét, chữ ký số, thiết bị bảo mật tối thiểu
II	Về nền tảng số				
1	Rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, công bố dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan	Trước ngày 06/10/2026	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có Kế hoạch rà soát làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, danh mục dữ liệu mở được công bố và báo

					cáo tái sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý
2	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và các nền tảng quốc gia, CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; xây dựng phương án chuyển dịch dữ liệu lên nền tảng dùng chung khi được đưa vào vận hành; tiếp tục tham mưu công bố dữ liệu mở theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trước ngày 06/10/2026	Kế hoạch triển khai thực hiện; dữ liệu được kết nối, chia sẻ; kết nối các cơ sở dữ liệu ưu tiên và đưa vào vận hành; danh mục dữ liệu mở được công bố và báo cáo tái sử dụng dữ liệu
3	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống CSDL dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm	Sở Nội vụ, Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
4	Thực hiện xử lý hồ sơ công việc, gửi nhận văn bản và sử dụng chữ ký số trên môi trường số theo quy định	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	100% văn bản đủ điều kiện được xử lý, ký số và có nhật ký trên hệ thống
III	Về dịch vụ công trực tuyến				
1	Lựa chọn nhóm TTHC tần suất cao, liên quan trực tiếp người dân, doanh nghiệp và cấp xã; tái thiết kế quy trình từ gốc, loại bỏ xử lý song song điện tử - thủ công, xác minh lặp lại.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.	Danh mục: Trước 31/7/2026. Vận hành: Trước 30/9/2026	Có tối thiểu 05 TTHC ưu tiên; giảm tối thiểu 30% giấy tờ, thời gian hoặc thao tác nhập liệu

2	Tổ chức hỗ trợ người dân tự thực hiện hồ sơ trực tuyến tại xã, phường, đặc khu; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật, vùng sâu, vùng xa; hướng dẫn thanh toán số và bảo vệ thông tin cá nhân.	UBND các xã, phường, đặc khu	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước ngày 30/9/2026	Mỗi đơn vị cấp xã tối thiểu 01 đợt hỗ trợ/tháng; tỷ lệ người dân tự nộp hồ sơ tăng tối thiểu 20 điểm phần trăm so với đầu kỳ
IV	Về kinh tế số				
	Đào tạo kỹ năng kinh doanh số, truy xuất nguồn gốc, thanh toán, logistics và an toàn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đưa sản phẩm Việt lên sàn Thương mại điện tử	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trước ngày 30/9/2026	Tối thiểu 400 chủ thể được đào tạo/hỗ trợ; có sản phẩm được đưa lên sàn và số liệu giao dịch
V	Về xã hội số				
	Rà soát khả năng tiếp cận của dịch vụ số đối với người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số và người ít kỹ năng số; bố trí điểm hỗ trợ, giao diện dễ dùng, kênh thay thế phù hợp	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, đơn vị có liên quan	Trước ngày 30/9/2026	100% Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu bố trí điểm hỗ trợ; báo cáo khắc phục giao diện/quy trình gây khó tiếp cận
VI	Về nguồn nhân lực				
1	Rà soát, bố trí lãnh đạo phụ trách chuyển đổi số, phát triển dữ liệu, an toàn thông tin trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Trước ngày 31/7/2026	Quyết định phân công nhiệm vụ
2	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên	100% cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, xác định đúng đối tượng; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ hỗ trợ; bảo đảm kinh phí chi trả, không để

					xảy ra tình trạng chậm, thiếu hoặc sai đối tượng
VII	Về an toàn, an ninh thông tin				
	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo
VIII	Về tài chính, giải ngân				
	Đẩy nhanh giải ngân gắn với chất lượng, hiệu quả và chống thất thoát, lãng phí; cập nhật giải ngân theo từng sản phẩm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị có liên quan	Trước ngày 30/9/2026	Tỷ lệ giải ngân chuyển đổi số tối thiểu 60% dự toán; 100% khoản giải ngân có sản phẩm/mốc nghiệm thu; Đơn vị dưới 50% giải trình trách nhiệm